VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2024/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2024*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2023/TT-BCA ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 24/2023/TT-BCA ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2023/TT-BCA ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư số 24/2023/TT-BCA ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2023/TT-BCA ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 12 như sau:

"a) Kiểm soát các giấy tờ có liên quan đến người và phương tiện giao thông, bao gồm:

Giấy phép lái xe; chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng, chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng; giấy đăng ký xe hoặc bản sao chứng thực giấy đăng ký xe kèm bản gốc giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực (trong thời gian tổ chức tín dụng giữ bản chính giấy đăng ký xe); giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy xác nhận thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định (đối với loại phương tiện giao thông có quy định phải kiểm định); giấy chứng nhận bảo

hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới và giấy tờ cần thiết khác có liên quan theo quy định (sau đây gọi chung là giấy tờ);

Khi thông tin của các giấy tờ đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, trong cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát thông qua thông tin trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu; việc kiểm tra thông tin của giấy tờ trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu có giá trị như kiểm tra trực tiếp giấy tờ đó;".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

"3. Thông báo cho người điều khiển phương tiện giao thông, những người trên phương tiện giao thông biết lý do kiểm soát; đề nghị người điều khiển phương tiện giao thông xuất trình các giấy tờ liên quan theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư này để kiểm soát như sau:

a) Trường hợp người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện xuất trình thông tin của các giấy tờ đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, trong cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát thông qua thông tin trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu;

b) Trường hợp người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện xuất trình bản giấy các giấy tờ thì tiến hành kiểm tra, đối chiếu trực tiếp các giấy tờ đó và thực hiện tra cứu thông tin liên quan đến giấy tờ đó trong hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính, cơ sở dữ liệu khác;

c) Thực hiện kiểm soát các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này; đối với phương tiện giao thông chở người từ 10 chỗ trở lên, phương tiện giao thông chở người có kích thước tương đương với phương tiện giao thông chở người từ 10 chỗ trở lên, phải trực tiếp lên khoang chở người để thực hiện kiểm soát và thông báo kết quả kiểm soát.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

"1. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản

Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản, cán bộ Cảnh sát giao thông thực hiện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ theo quy định. Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm (sau đây gọi chung là người vi phạm) chưa thi hành ngay quyết định xử phạt thì tạm giữ giấy tờ có liên quan theo quy định tại điểm d, điểm g khoản 2 Điều 21 Thông tư này và quy định khác của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có liên quan để bảo đảm cho việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 21 như sau:

“b) Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, cán bộ Cảnh sát giao thông lập biên bản phải báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ về tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã tạm giữ để xem xét ra quyết định tạm giữ. Đối với tang vật là hàng hóa dễ hư hỏng thì cán bộ Cảnh sát giao thông phải báo cáo ngay thủ trưởng trực tiếp để xử lý, nếu để hư hỏng hoặc thất thoát thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

Trong trường hợp không ra quyết định tạm giữ thì phải trả lại ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề (đối với trường hợp người vi phạm xuất trình bản giấy giấy phép, chứng chỉ hành nghề);”.

5. Bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 2 Điều 21 như sau:

“g) Trường hợp các giấy tờ có liên quan đến người và phương tiện giao thông đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì khi tạm giữ giấy tờ, người có thẩm quyền tạm giữ thực hiện việc tạm giữ giấy tờ trên môi trường điện tử, cập nhật thông tin về việc tạm giữ giấy tờ đó trên hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và đồng bộ với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý để người vi phạm, chủ phương tiện (đối với giấy tờ của chủ phương tiện) biết, chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, phục vụ các lực lượng chức năng có thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm;

Các loại biên bản, quyết định của người có thẩm quyền trong việc tạm giữ, trả lại giấy tờ được thực hiện theo biểu mẫu quy định của pháp luật và có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, ứng dụng, hệ thống thông tin điện tử khác khi đủ điều kiện kỹ thuật thực hiện.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 27 như sau:

"b) Thông báo hình thức, mức xử phạt, biện pháp ngăn chặn, biện pháp khác, kết quả thu thập được hành vi vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định;

Trường hợp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì khi áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền thực hiện việc tước giấy tờ trên môi trường điện tử, cập nhật thông tin về việc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó trên hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và đồng bộ với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý để người vi phạm, chủ phương tiện (đối với giấy tờ của chủ phương tiện) biết, chấp hành theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, phục vụ các lực lượng chức năng có thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 27 như sau:

"c) Gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho người bị xử phạt hoặc người đại diện hợp pháp, người được ủy quyền của người bị xử phạt;";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 27 như sau:

"đ) Trả lại tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ, tước quyền sử dụng theo thủ tục hành chính cho người bị xử phạt. Trường hợp giấy tờ đó có thông tin bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì người có thẩm quyền ra quyết định, lập biên bản trả lại giấy tờ cho người bị xử phạt; hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính thực hiện đồng bộ thông tin với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý để gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ, tước quyền sử dụng giấy tờ đó;";

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 27 như sau:

"c) Người có thẩm quyền xử phạt tra cứu biên lai điện tử thu tiền xử phạt vi phạm hành chính được hệ thống cổng dịch vụ công gửi về để in, lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và làm căn cứ trả lại giấy tờ bị tạm giữ, gỡ bỏ nội dung thông

tin về việc tạm giữ trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý theo quy định tại điểm d khoản này;";

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 27 như sau:

"d) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trả lại giấy tờ bị tạm giữ, bị tước (khi hết thời hạn tước quyền sử dụng) cho người bị xử phạt qua dịch vụ bưu chính công ích. Trường hợp giấy tờ đó có thông tin về việc bị tạm giữ, tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính thực hiện đồng bộ thông tin với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý để gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ, tước quyền sử dụng giấy tờ đó.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2023/TT-BCA ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 3 như sau:

"10. Việc kê khai đăng ký xe được thực hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an (sau đây gọi chung là cổng dịch vụ công) hoặc trên Ứng dụng định danh quốc gia (trường hợp thực hiện đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước) hoặc kê khai làm thủ tục trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

Đối với công dân Việt Nam thì được thực hiện đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước; trường hợp này, chủ xe kê khai đăng ký xe trên cổng dịch vụ công hoặc trên Ứng dụng định danh quốc gia.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

"1. Chấp hành các quy định của pháp luật về đăng ký xe; thực hiện các thủ tục đăng ký xe trên cổng dịch vụ công hoặc trên Ứng dụng định danh quốc gia hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe; cung cấp, kê khai trung thực, đầy đủ, chính xác thông tin quy định về đăng ký xe; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của xe và hồ sơ xe.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

"2. Đưa xe đến cơ quan đăng ký xe để kiểm tra đối với xe đăng ký lần đầu (trừ trường hợp công dân Việt Nam thực hiện đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ

công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước), đăng ký sang tên, di chuyển xe, cải tạo, thay đổi màu sơn; trường hợp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bị mờ, hỏng hoặc bị mất, chủ xe phải khai báo và làm thủ tục cấp đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (sau đây gọi chung là cấp đổi), cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (sau đây gọi chung là cấp lại) theo quy định.”.

4. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 6 như sau:

“6. Trường hợp công dân Việt Nam thực hiện đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước, chủ xe kê khai, nộp hồ sơ, ảnh chụp của xe (chụp từ phía trước đầu xe theo góc 45 độ, bảo đảm nhìn rõ kiểu dáng xe) qua cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia và phải gửi Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng có dán bản chà số máy, số khung của xe (do cơ sở sản xuất xe cung cấp, được đóng dấu giáp lai) cho cơ quan đăng ký xe khi nhận kết quả.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Giấy khai đăng ký xe

1. Kê khai trên cổng dịch vụ công (trừ trường hợp công dân Việt Nam đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước): Chủ xe đăng nhập trên cổng dịch vụ công và kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung quy định trong giấy khai đăng ký xe, ký số. Trường hợp không có ký số thì chủ xe in giấy khai đăng ký xe từ cổng dịch vụ công, ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu (nếu là cơ quan, tổ chức).

Sau khi kê khai thành công, chủ xe nhận mã hồ sơ đăng ký xe trực tuyến, lịch hẹn giải quyết hồ sơ do cổng dịch vụ công thông báo qua tin nhắn điện thoại hoặc qua địa chỉ thư điện tử để làm thủ tục đăng ký xe; cung cấp mã hồ sơ đăng ký xe cho cơ quan đăng ký xe để làm thủ tục đăng ký xe theo quy định.

2. Kê khai trên cổng dịch vụ công hoặc trên Ứng dụng định danh quốc gia đối với trường hợp công dân Việt Nam thực hiện đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước: Chủ xe đăng nhập trên cổng dịch vụ công hoặc trên Ứng dụng định danh quốc gia và kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung quy định trong mẫu giấy khai đăng ký xe.

3. Kê khai, nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe: Chủ xe kê khai chính xác, đầy đủ các nội dung quy định trong mẫu giấy khai đăng ký xe.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân đăng ký xe thực hiện quy định tại Điều 9 Thông tư này; đưa xe đến cơ quan đăng ký xe (trừ trường hợp công dân Việt Nam thực hiện đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước) và nộp các giấy tờ quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư này.”.

7. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 12 như sau:

“5. Trường hợp công dân Việt Nam thực hiện đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước trên cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

a) Chủ xe thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này, không phải đưa xe đến cơ quan đăng ký xe; đăng ký sử dụng dịch vụ bưu chính công ích để nhận chứng nhận đăng ký xe, biển số xe. Khi nhận chứng nhận đăng ký xe, biển số xe, chủ xe gửi cho cơ quan đăng ký xe Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (có dán bản chà số máy, số khung của xe, đóng dấu giáp lai của cơ sở sản xuất) qua dịch vụ bưu chính công ích;

Trường hợp chủ xe không nộp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (có dán bản chà số máy, số khung của xe, đóng dấu giáp lai của cơ sở sản xuất) hoặc thông tin bản chà số máy, số khung cung cấp không đúng với thông tin đã kê khai thì chủ xe phải mang xe đến cơ quan đăng ký xe để chà số máy, số khung và nhận kết quả đăng ký xe;

b) Chủ xe thực hiện bấm biển số trên cổng dịch vụ công hoặc trên Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này;

c) Cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia thông báo biển số xe được cấp và hướng dẫn nộp tiền lệ phí đăng ký xe qua tin nhắn điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử hoặc thông báo trên Ứng dụng định danh quốc gia để chủ xe nộp tiền qua tiện ích thanh toán được tích hợp trên cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia;

d) Sau khi thanh toán thành công lệ phí đăng ký xe, cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia thông báo cho chủ xe việc hoàn thành nộp lệ phí;

đ) Cán bộ đăng ký xe thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, hiệu chỉnh dữ liệu đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình từ cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia chuyển về hệ thống đăng ký, quản lý xe (không phải thực hiện: Kiểm tra thực tế xe, chà số máy, số khung của xe, chụp ảnh xe theo quy định về quy trình nghiệp vụ đăng ký xe); in giấy khai đăng ký xe, chứng nhận đăng ký xe; trình lãnh đạo cấp có thẩm quyền duyệt, ký hồ sơ xe, chứng nhận đăng ký xe, sổ đăng ký xe và các giấy tờ liên quan; đóng dấu hồ sơ xe; ký số chứng nhận đăng ký xe để trả kết quả đăng ký xe về cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định. Trả chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cho chủ xe qua dịch vụ bưu chính công ích;

e) Cán bộ đăng ký xe nhận Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (có dán bản chà số máy, số khung của xe, đóng dấu giáp lai của cơ sở sản xuất) để kiểm tra, đối chiếu với dữ liệu trên hệ thống đăng ký, quản lý xe, ký xác nhận đã kiểm tra, đối chiếu lên bản chà số máy, số khung của xe để lưu vào hồ sơ đăng ký xe; quét bản chà số máy, số khung của xe (bản chà số máy, số khung dán trên Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng) và tải lên hệ thống đăng ký, quản lý xe.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá biển số xe ô tô thực hiện đăng ký xe như sau:

a) Kê khai giấy khai đăng ký xe theo quy định tại Điều 9 Thông tư này;

b) Đưa xe đến Phòng Cảnh sát giao thông nơi có trụ sở, cư trú hoặc Phòng Cảnh sát giao thông nơi quản lý biển số xe trúng đấu giá để kiểm tra xe (trừ trường hợp công dân Việt Nam thực hiện đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước); cung cấp mã hồ sơ đăng ký xe trực tuyến và nộp hồ sơ xe theo quy định tại Điều 27 Thông tư này;

c) Sau khi cán bộ đăng ký xe kiểm tra hồ sơ xe, thực tế xe bảo đảm hợp lệ thì được cơ quan đăng ký xe cấp biển số xe trúng đấu giá; nhận giấy hẹn trả kết quả đăng ký xe, nộp lệ phí đăng ký xe theo quy định; trường hợp chủ xe có nhu cầu nhận kết quả đăng ký xe qua dịch vụ bưu chính công ích thì đăng ký với đơn vị dịch vụ bưu chính công ích;

d) Nhận kết quả đăng ký xe tại cơ quan đăng ký xe hoặc từ đơn vị dịch vụ bưu chính công ích;

đ) Trường hợp công dân Việt Nam thực hiện đăng ký xe lần đầu biển số xe ô tô trúng đấu giá bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp

ráp trong nước trên cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia: Nhập biển số trúng đấu giá, số quyết định xác nhận biển số trúng đấu giá và thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư này.”.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều 2 của Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Thượng tướng Lương Tam Quang